TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân và ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ánh N, sinh năm 1993; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đ; Cư trú: thôn 4, ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1987; Cư trú: Số 3, đường 26, thôn 4, ấp T, xã B1, huyện C1, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà Ngô Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn V kết hôn tự nguyện và ngày 11/11/2013 được Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C1, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông V sống thiếu trách nhiệm với vợ con, từ năm 2018 đến nay bà N đã đưa con ra nhà trọ sinh sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà N xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/3/2014, hiện cháu P đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực

tiếp nuôi cháu P và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai không có.

Do bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ; ông V vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nên ông V không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N; Con chung: giao cho bà N nuôi con, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Bà N khai không có. Buộc bà N nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn V kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 11/11/2013 được Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C1, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà N cho rằng: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2018, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông V sống thiếu trách nhiệm với vợ con, từ năm 2018 đến nay bà N đã đưa con ra nhà trọ sinh sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau; Lời khai của bà N phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương (BL 21). Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông V ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà N xin ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/3/2014 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Nguyễn Hoàng P đang sống với bà N và nguyện vọng của cháu mong muốn được sống với bà N; chính quyền địa phương cho biết bà N có công việc ổn định và đủ điều kiện nuôi con (BL 21). Vì vậy, cần giao cháu P cho bà N trực tiếp

nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Bà N khai không có.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Ngô Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn V ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/3/2014 cho bà Ngô Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N khai không có.

- Về án phí: Bà Ngô Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 0000568 ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã B1, huyện C1, tỉnh Đ (GCNKH số 118 ngày 11/11/2013);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu